TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ ĐỨC – TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/HS-ST
Ngày 12-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Đức Hiệp.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Xuân Tộ.**

Ông **Nguyễn Văn Son**

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 51/2018/TLST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/QĐXXST-HS ngày 05/10/2018 đối với bị cáo:

Lê Đ, sinh ngày 05/4/2000 tại xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: Xóm 2, thôn H, xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình Kvà bà Nguyễn Thị A; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 29/07/2018, chuyển tạm giam ngày giam từ ngày 01/08/2018 đến nay. *Có mặt*.

- *Người bị hại:*

+ Trần Văn H, sinh năm 1997. *Vắng mặt.*

Nơi cư trú: Xóm 12, thôn N, xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội.

+ Nguyễn Thị U, sinh năm 1993. *Vắng mặt.*

Nơi sinh: Xã A, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Lê Thu San, sinh năm 1996. *Vắng mặt*.
Nơi cư trú: Xóm 12, thôn N, xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội.
+ Nguyễn Hữu D, sinh năm 1996. *Vắng mặt*.
Nơi cư trú: Xóm 5, thôn X, xã H, huyện U, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều 27/5/2018, Lê Đ đến nhà Trần Văn H chơi và ngủ tại đây. Khoảng 05 giờ 30 phU ngày 28/5/2018, H đi làm về, để xe máy Honda Dream Biển kiểm soát 29Y1-148.03 mượn của anh Trần Ngọc T, sinh năm 1987 ở xã Đ, huyện M ở sân rồi đi ngủ. Đến 06 giờ 30 phU, An ngủ dậy, đi vào phòng chị Nguyễn U lấy 01 điện thoại SamSung J7 trên đầu giường, vào phòng H lấy chìa khóa xe, mở cổng và dắt xe máy Biển kiểm soát 29Y1-148.03 đi về nhà. Khi tỉnh dậy không thấy xe máy và nghe chị U nói bị mất điện thoại, Trần Văn H đã cùng Vương Văn Thanh, sinh năm 1996 ở thôn N, xã Đ đi tìm và gặp A tại cầu V, xã Y. Lúc này A nói là đang đi tìm Đỗ Thành N, sinh năm 1997 ở xã S, huyện U để đòi tiền và điều khiển xe máy chở H đến nhà bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1961 ở xã S tìm N. Đến nơi, A và H đi vào nhà bà O, sau đó An nói H ngồi chờ để đi vệ sinh, rồi trèo qua tường, đi ra ngõ, lấy xe máy Biển kiểm soát 29Y1-14803 đi đến thôn X, xã H, huyện U, gọi điện rủ Nguyễn Đình D, sinh năm 1999 ở xã Hòa Nam đi chơi. Khi gặp nhau, A chở D đến cửa hàng điện thoại của anh Nguyễn Hà P, sinh năm 1990 ở thôn X, D đứng ngoài còn A vào bán chiếc điện thoại Samsung J7 của chị U được 2.000.000 đồng và cùng nhau đi chơi điện tử.

Đến khoảng 16 giờ ngày 29/5/2018, A nhờ D tìm người để cầm cố chiếc xe máy Biển kiểm soát 29Y1-148.03. D gọi Nguyễn Hữu D, sinh năm 1996 ở thôn X đến. A nói đây là xe máy A đi mượn, cầm cố khoảng 3, 4 ngày sẽ chuộc về. D đồng ý nhận cầm cố với giá 4.000.000 đồng. Khoảng 09 giờ ngày 31/5/2018, Avề Thị trấn Đ, huyện M, gọi điện cho Nguyễn H, sinh năm 1998 ở thôn N nhờ mang quần áo xuống. Sau đó Nguyễn H cùng Trần Văn H và Vương Văn T đến đưa A về nhà H. Tại đây có chú của A là Lê Thu S, anh Trần Ngọc T, Trần Hải D cùng ở xã Đ. An nói đã cầm cố xe ở thôn X và hỏi vay San tiền để chuộc. San đồng ý và cùng Tiệp, D, An đến gặp Nguyễn Hữu D để chuộc xe với số tiền 4.100.000 đồng về trả cho anh Trần Ngọc T. Anh T nhận lại xe và bán lại cho anh Nguyễn Duy Th, sinh năm 1988 ở thôn N. Hiện Th không có mặt tại địa phương.

Tại Kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐG ngày 04/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Mỹ Đức xác định giá trị

chiếc xe máy tính đến thời điểm là 5.700.000 đồng và chiếc điện thoại là 5.390.000 đồng. Tổng giá trị tài sản: 11.090.000 đồng.

Cáo trạng số 51/CT-VKSMĐ ngày 27/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân truy tố Lê Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về tang vật và trách nhiệm dân sự:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền lãi 100.000 đồng từ việc nhận cầm cố xe trái pháp luật của Nguyễn Hữu D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mỹ Đức và Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đã thực hiện theo quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những có liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại. Có đủ căn cứ xác định, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng truy tố. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, người làm chứng, kết luận định giá và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Ngày 28/5/2018, lợi dụng việc sơ hở trong quản lý tài sản của bị hại, Lê Đ đã lén lU trộm cắp 01 chiếc xe máy biển kiểm sát 29Y1-148.03 của anh Trần Văn H và 01 chiếc điện thoại di động Samsung J7 của chị Nguyễn Thị U, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 11.090.000 đồng.

Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nên đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tính chất hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác và trật tự công cộng, gây mất trật tự, trị an tại địa phương.

[3] Xem xét các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy:

Lê Đ không có tình tiết tăng nặng, tuy nhiên sau khi thay đổi biện pháp ngăn chặn, được tại ngoại đã bỏ trốn nên cần áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly đời sống xã hội để đảm bảo tác dụng giáo dụng, phòng ngừa chung và cải tạo riêng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; đã khắc phục hậu quả nên tài sản được thu hồi và trả lại cho người bị hại, đo đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập thấp và không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[5] Về tang vật và trách nhiệm dân sự:

Ngày 14/6/2018 Công an Mỹ Đức đã trả lại cho Nguyễn U 01 điện thoại Samsung J7, chị U nhận và không có ý kiến đề nghị gì nên không giải quyết. Đối với số tiền 1.000.000 đồng, chị U khai bị mất trộm, quá trình điều tra không xác định được việc A trộm cắp số tiền trên nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng Nguyễn Hà P trả cho bị cáo khi mua điện thoại, bị cáo đã trả lại, P không có đề nghị gì nên không giải quyết.

Đối với Nguyễn Đình D, Nguyễn Hà P và Nguyễn Hữu D là các đối tượng đưa A đi bán điện thoại, nhận cầm cố chiếc xe máy và mua điện thoại của A nhưng đều không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có
nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Việc hành vi cầm cố chiếc xe máy của Nguyễn Hữu D, Cơ quan điều tra xác định là vi phạm trong lĩnh vực quản lý kinh doanh ngành nghề có điều kiện nên đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với D và thu giữ số tiền 100.000 đồng mà D được hưởng lợi từ việc cầm cố chiếc xe máy là đúng, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền này.

[6] Về án phí: Bị cáo Lê Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 173 Bộ luật

hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Lê Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt Lê Đ **12 (mười hai) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 29/7/2018 và được trừ thời gian tạm giữ là 10 ngày.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Khoản 1 Điều 21, Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình.

Nơi nhận:
- *VKSND TP. Hà Nội;*
- *VKSND huyện Mỹ Đức;*
- *Cơ quan CSĐT Công an huyện Mỹ Đức;*
- *Cơ quan THAHS huyện Mỹ Đức;*
- *Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;*
- *UBND xã Đ;*
- *Bị cáo;*
- *Người bị hại;*
- *Người có QLNVLQ;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đức Hiệp